

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 172/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 05 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa
2. Ông Nguyễn Văn Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 18 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/04/2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp LĐ, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp LĐ, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Hữu Ph đi đến hôn nhân vào năm 2006, hôn nhân mai mối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LK, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, ông Ph không chăm sóc cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên giữa bà A và ông Ph không sống chung từ tháng 12/2020 cho đến nay. Bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Ph.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Ph Kh, sinh ngày 10/8/2014 hiện đang sống với ông Ph, khi ly hôn bà A đồng ý giao con chung cho ông Ph được tiếp tục nuôi dưỡng, bà A không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu Ph đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Hữu Ph đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim A vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả trả lời tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Ph, về con chung bà đồng ý giao con chung cho ông Ph được tiếp tục nuôi dưỡng, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu Ph với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp LĐ, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Nguyễn Hữu Ph vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Ph không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu Ph.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Hữu Ph là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LK nên theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà A cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà A có yêu cầu được ly

hôn ông Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn A Kiệt, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Ph Kh, sinh ngày 10/8/2014 hiện đang sống với ông Ph, khi ly hôn bà A đồng ý giao con chung cho ông Ph được tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho ông Ph được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Ph.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 181, ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã LK, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Hữu Ph không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Hữu Ph được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Ph Kh, sinh ngày 10/8/2014, bà Nguyễn Thị Kim A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006133, ngày 02/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSPA.

Trần Ngọc Diệu